

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP DỰ KIẾN ĐỢT 1 LẦN 2 NĂM 2020
(CẬP NHẬT NGÀY 10/02/2020)

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Khoa
1	B1401244	Bùi Nguyễn Khôi Nguyên	03/10/1994	N	DA14Y3A1	Sinh học	Khá	DA
2	B1500020	Lý Hữu Duyên	01/09/1996	N	DA1566A2	Công nghệ sinh học	Khá	DA
3	B1504446	Trần Huỳnh Xuân Hương	10/10/1997	N	DA1566T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	Khá	DA
4	B1505624	Nguyễn Phạm Thiên Trang	10/07/1997	N	DA1566T1	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	Khá	DA
5	B1204022	Phạm Văn Hưởng	00/00/1994		DI1296A2	Kỹ thuật phần mềm	Trung	DI
6	B1400506	Trần Hoài Nam	26/10/1995		DI14Z6A2	Khoa học máy tính	Trung	DI
7	B1400550	Bùi Quân Đạt	02/12/1996		DI14Y9A1	Truyền thông và mạng máy tính	Khá	DI
8	B1400769	Đặng Ngọc Anh Luật	24/01/1996		DI1496A2	Kỹ thuật phần mềm	Trung	DI
9	B1411345	Lê Hoài Phương	25/08/1996		DI1495A1	Hệ thống thông tin	Trung	DI
10	B1505704	Dương Đỗ Trọng Ân	04/12/1996		DI1595A1	Hệ thống thông tin	Trung	DI
11	B1505745	Trần Hồng Thắm	01/01/1997	N	DI1595A1	Hệ thống thông tin	Khá	DI
12	B1505848	Lê Nguyễn Thiên Phúc	29/10/1995		DI1596A1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	DI
13	B1505866	Vũ Thị Cẩm Tú	04/01/1997	N	DI1596A1	Kỹ thuật phần mềm	Giỏi	DI
14	B1505880	Dương Thị Thanh Hằng	23/09/1997	N	DI1596A2	Kỹ thuật phần mềm	Khá	DI
15	B1507150	Hồ Thanh Sang	12/11/1997		DI15Y1A1	Công nghệ thông tin	Khá	DI
16	4114511	Lã Hoàng Đạt	01/12/1993		XH11V1A9	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc	FL
17	B1200991	Phạm Thị Hồng Kim	09/11/1994	N	NN12X1A1	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	FL
18	B1302012	Lê Minh Thư	14/02/1994	N	XH13V1A9	Ngôn ngữ Anh	Khá	FL
19	B1409846	Nguyễn Tổng Linh	20/08/1996	N	XH14V1A3	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc	FL
20	B1506630	Ông Phương Nhi	17/11/1996	N	FL15V1A2	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc	FL
21	B1606223	Nguyễn Phạm Hiếu Nhân	07/01/1998		FL16V1A2	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	FL
22	B1410610	Phan Văn Vinh	20/02/1996		HG14V7A1	Công nghệ thông tin	Trung	HG
23	B1410675	Kiều Chí Nhân	05/06/1996		HG1462A1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	HG
24	B1510623	Nguyễn Kim Sang	31/03/1996		HG15U6A1	Khuyến nông	Khá	HG
25	B1510635	Nguyễn Hồng Uyên	24/01/1997	N	HG15U6A1	Khuyến nông	Khá	HG
26	B1510712	Phạm Quốc Việt	27/09/1997		HG15U7A1	Kinh doanh nông nghiệp	Khá	HG

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Khoa
27	B1510812	Nguyễn Nhật Duy	03/03/1997		HG15V7A1	Công nghệ thông tin	Khá	HG
28	B1601193	Lý Ngọc Hân	13/04/1998	N	HG16V2A1	Nông học	Khá	HG
29	B1601246	Âu Nguyễn Hoàng Quốc	04/05/1998		HG16V2A1	Nông học	Trung	HG
30	B1611023	Nguyễn Văn Hiếu	1997		HG16W8A1	Việt Nam học	Khá	HG
31	B1604279	Cao Thị Yên Nhi	04/09/1998	N	KH16Y2A2	Hóa học	Khá	KH
32	B1310228	Hà Minh Cường	16/02/1994		KT13W3A2	Kinh doanh thương mại	Khá	KT
33	B1500136	Đinh Văn Hiền	09/02/1996		KT15V5A2	Kiểm toán	Trung	KT
34	B1500164	Neáng Sóc Đưon	10/10/1996	N	KT1590A1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Trung	KT
35	B1500165	Sơn Thị Ngân Bình	25/12/1995	N	KT1545A1	Marketing	Trung	KT
36	B1500178	Mai Hà Mỹ Hân	20/05/1996	N	KT1522A1	Quản trị kinh doanh	Trung	KT
37	B1501992	Nguyễn Minh Trí	05/09/1997		KT1520A1	Kê toán	Trung	KT
38	B1502331	Nguyễn Tường Vy	04/01/1997	N	KT1522A1	Quản trị kinh doanh	Trung	KT
39	B1502373	Nguyễn Cao Kỳ	29/08/1997		KT1522A2	Quản trị kinh doanh	Khá	KT
40	B1502489	Mai Hoàng Kha	03/12/1997		KT1523A1	Kinh tế nông nghiệp	Trung	KT
41	B1502540	Võ Ngọc Minh Thư	10/05/1997	N	KT1523A1	Kinh tế nông nghiệp	Khá	KT
42	B1507838	Phan Thị Thúy Huỳnh	09/09/1997	N	KT15W3A2	Kinh doanh thương mại	Khá	KT
43	B1507933	Nguyễn Đức Anh	22/10/1997		KT15W4A2	Kinh doanh quốc tế	Khá	KT
44	B1500222	Lê Trùng Dương	20/08/1996		LK1565A3	Luật	Khá	LK
45	B1500274	Đặng Nguyễn Huyền My	04/11/1996	N	LK1565A3	Luật	Trung	LK
46	B1500284	Nguyễn Lâm Hồng Ngọc	01/04/1996	N	LK1563A1	Luật	Trung	LK
47	B1602292	Lê Kim Quyên	18/08/1998	N	LK1664A2	Luật	Khá	LK
48	B1610190	Nguyễn Nhựt Minh	12/02/1998		LK1665A3	Luật	Khá	LK
49	B1412038	Lâm Hoàng Trí	02/11/1995		MT14V4A1	Lâm sinh	Khá	MT
50	B1503326	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14/06/1997	N	MT1538A2	Khoa học môi trường	Khá	MT
51	B1506799	Nguyễn Thị Ngọc Hào	29/01/1996	N	MT15V4A2	Lâm sinh	Khá	MT
52	B1506813	Lê Thị Thảo Nguyên	12/01/1997	N	MT15V4A2	Lâm sinh	Khá	MT
53	B1602121	Nguyễn Diễm Thoa	24/09/1998	N	MT1625A2	Quản lý đất đai	Khá	MT
54	B1608755	Từ Văn Sắt	20/10/1997		MT16X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi	MT
55	B1608760	Phạm Hồng Thái	15/11/1998		MT16X7A1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khá	MT
56	B1608807	Đặng Thành Nhựt	28/10/1998		MT16X7A2	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khá	MT

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Khoa
57	C1700083	Nguyễn Phạm Mỹ Chi	24/11/1996	N	MT1757A1	Kỹ thuật môi trường	Khá	MT
58	C1700086	Đặng Anh Ngọc	07/08/1996	N	MT1757A1	Kỹ thuật môi trường	Khá	MT
59	C1700088	Võ Văn Quốc	19/09/1995		MT1757A1	Kỹ thuật môi trường	Khá	MT
60	C1700091	Nguyễn Khắc Bình	03/02/1996		MT1757A2	Kỹ thuật môi trường	Khá	MT
61	C1700095	Lê Kim Ngọc	24/01/1996	N	MT1757A2	Kỹ thuật môi trường	Khá	MT
62	B1307161	Nguyễn Văn Tính	16/11/1995		NN1319A1	Nông học	Giỏi	NN
63	B1309037	Nguyễn Thê Nhựt	29/05/1995		NN1367A2	Thú y	Khá	NN
64	B1500489	Dương Minh Trúc	12/08/1996		NN1573A3	Bảo vệ thực vật	Khá	NN
65	B1500515	Nguyễn Lê Cẩm Linh	05/06/1996	N	NN1508A2	Công nghệ thực phẩm	Khá	NN
66	B1501913	Huỳnh Ngọc Thanh Thanh	10/11/1997	N	NN1519A2	Nông học	Khá	NN
67	B1504678	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên	24/04/1997	N	NN1567A2	Thú y	Giỏi	NN
68	B1508981	Trần Ngọc Hường	30/08/1997		NN15X8A1	Khoa học cây trồng	Khá	NN
69	B1600259	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/12/1997	N	NN1608A4	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	NN
70	B1601099	Lộ Chí Linh	15/03/1997		NN1619A1	Nông học	Xuất sắc	NN
71	B1604394	Ngô Thanh Bình	02/08/1998		NN1673A1	Bảo vệ thực vật	Giỏi	NN
72	B1604525	Mai Châu Nhật Anh	04/09/1997		NN1673A3	Bảo vệ thực vật	Giỏi	NN
73	B1604566	Phú Thành Phúc	11/11/1998		NN1673A3	Bảo vệ thực vật	Giỏi	NN
74	C1600229	Nguyễn Tuấn Cường	30/09/1995		NN1667A2	Thú y	Khá	NN
75	B1301021	Quách Thanh Long	21/02/1994		SP1317A1	Sư phạm Ngữ văn	Khá	SP
76	B1501757	Lê Chánh Tính	08/03/1997		SP1518A1	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	SP
77	B1508861	Nguyễn Thanh Nhân	02/01/1996		TD15X6A1	Giáo dục Thể chất	Khá	TD
78	1111008	Nguyễn Hữu Lộc	24/08/1993		TC1161A2	Kỹ thuật điện, điện tử	Trung	TN
79	B1408533	Lê Văn Ngô	01/01/1995		TN14Z5A1	Kỹ thuật máy tính	Trung	TN
80	B1408751	Nguyễn Chí Cường	30/12/1995		TN1462A1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung	TN
81	B1411578	Đoàn Thị Thu	07/03/1996	N	TN1483A2	Quản lý công nghiệp	Trung	TN
82	B1504220	Bùi Văn Cường	23/02/1997		TN1561A1	Kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	TN
83	B1504231	Lưu Ngọc Huy	05/02/1997		TN1561A1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá	TN
84	B1504251	Nguyễn Ngọc Nhựt	20/12/1995		TN1561A1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá	TN
85	B1504252	Dương Hoàng Phi	10/11/1997		TN1561A1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá	TN
86	B1504282	Nguyễn Quốc Cường	20/12/1997		TN1561A2	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá	TN

TT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Khoa
87	B1509294	Trần Văn Vũ	17/03/1997		TN15Y5A1	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Trung	TN
88	B1509425	Nguyễn Văn Vinh	08/08/1996		TN15Y6A1	Kỹ thuật cơ - điện tử	Khá	TN
89	B1509468	Lê Hoàng Minh Phương	17/12/1997		TN15Y6A2	Kỹ thuật cơ - điện tử	Khá	TN
90	B1509475	Lê Văn Tâm	25/07/1997		TN15Y6A2	Kỹ thuật cơ - điện tử	Khá	TN
91	B1509514	Vương Văn Luân	04/06/1995		TN15Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Trung	TN
92	B1501370	Huỳnh Chí Hạo	10/10/1996		TS1513A1	Nuôi trồng thủy sản	Khá	TS
93	B1501476	Trần Quốc Cường	23/06/1996		TS1513T1	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	Giỏi	TS
94	B1600711	Nguyễn Thị Kiều Trân	16/10/1997	N	TS1613A1	Nuôi trồng thủy sản	Khá	TS
95	B1600812	Đặng Văn Tình	22/09/1995		TS1613A2	Nuôi trồng thủy sản	Khá	TS
96	B1508210	Tôn Huỳnh Mai Phương	11/11/1997	N	XH15W8A1	Việt Nam học	Khá	XH